|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHẦN THÔNG TIN CHUNG** | | | | |
| Trường THCS Tân Phú | | | | Giáo viên bộ môn |
| Tổ: Ngữ Văn, Lịch sử và Địa lý, GDCD | | | | NGUYỄN HỮU SƠN |
| Phân môn: Lịch sử 6 | | | | |
| Tuần |  | Tiết |  | Thực hiện: từ đến |

BÀI 8. ẤN ĐỘ CỔ ĐẠI

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

*Sau bài học này, giúp HS:*

**1. Về kiến thức**

- Nêu được những nét chính về điếu kiện tự nhiên của lưu vực sông Ấn, sông Hằng và ảnh hưởng của nó đến sự hình thành của nền văn minh Ấn Độ.

- Trình bày được những đặc điểm chính của chế độ xã hội của An Độ thời cổ đại.

- Nhận biết được những thành tựu văn hoá của Ân Độ thời cổ đại.

**2. Về kĩ năng, năng lực**

- Đọc và chỉ được thông tin quan trọng trên lược đồ.

- Khai thác và sử dụng được thông tin của một số tư liệu lịch sử trong bài học dưới sự hướng dẫn của GV.

- Tìm kiếm, sưu tầm được tư liệu để phục vụ cho bài học và thực hiện các hoạt động thực hành, vận dụng.

3. Về phẩm chất

- Trân trọng những di sản của nền văn minh Ấn Độ để lại cho nhân loại.

**II. CHUẨN BỊ**

1. Giáo viên

- Phiếu học tập.

- Lược đổ Ấn Độ cổ đại phóng to, lược đồ Ấn Độ ngày nay.

- Video về một số nội dung trong bài học.

2. Học sinh

- Tranh, ảnh và dụng cụ học tập theo yêu cẩu của GV.

**A: KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Giúp học sinh nắm được các nội dung cơ bản bước đầu của bài học cần đạt được, đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

**b. Nội dung:** HS dưới sự hướng dẫn của GV xem tranh ảnh để trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giáo viên

**c. Sản phẩm học tập:** HS lắng nghe và tiếp thu kiến thức

**d. Tổ chức thực hiện:**

*Cách 1:* GV có thể sử dụng hình 1 trong SGK để khởi động vào bài mới. Cho HS quan sát hình và trả lời câu hỏi: *Em có biết vì sao lễ hội tôn giáo này thu hút đông đảo người dân Ấn Độ tham gia?* (Gợi ý trả lời: Vì đó là một nghi lễ tôn giáo thiêng liêng, người Ấn tin rằng khi tắm nước sông Hằng thì tội lỗi của họ sẽ được gột rửa).

GV có thể dẫn dắt: Lễ hội này có nguồn gốc từ xa xưa, cho đến ngày nay vẫn được duy trì và là một trong những lễ hội tôn giáo lớn nhất thế giới. Vậy, sông Hằng và sông Ấn - những con sông lớn nhất Ấn Độ, đã có vai trò như thế nào trong việc hình thành, phát triển nền văn minh Ấn Độ cổ đại? Nền văn minh đó đã để lại những di sản gì cho nhân loại?

*Cách 2:* Cho HS quan sát hình ảnh quốc huy của Ấn Độ, dẫn dắt đến biểu tượng cột đá A-sô-ca - một trong những đỉnh cao vể nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc của Ấn Độ cổ đại. Từ đó, GV dẫn dắt vào bài: Là một trong những nẽn văn minh cổ xưa rực rỡ nhất thế giới, Ấn Độ đã sản sinh ra rất nhiều thành tựu văn hoá. Vậy nền văn minh Ấn Độ đã được tạo dựng từ những nền tảng nào và những giá trị mà người Ấn Độ cổ đại trao truyền đến ngày nay là gì?

**B: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

Mục 1. Điều kiện tự nhiên

**a. Mục tiêu:** Điều kiện tự nhiên

**b. Nội dung:** HS không chỉ nêu được những đặc điểm của điều kiện tự nhiên mà còn phân tích được tác động của những điều kiện đó tới sự hình thành của nền văn minh Ấn Độ cổ đại.

**c. Sản phẩm học tập:** trả lời được các câu hỏi của giáo viên

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| Bước 1:  - GV cho HS quan sát lược đồ hình 2 trong SGK, yêu cầu HS mô tả vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên của Ấn Độ cổ đại.  + Sau đó, có thể cho HS kết hợp quan sát lược đồ An Độ ngày nay để xác định được lãnh thổ Ấn Độ cổ đại bao gồm những quốc gia nào hiện nay.  HS biết kết hợp, giới thiệu vị trí địa lí của Ấn Độ cổ đại trên lược đồ. Từ đó xác định được tên các quốc gia hiện nay tương ứng với lãnh thổ Ân Độ thời cổ đại: Ân Độ, Băng-la-đét, Nê-pan, Bu-tan, Pa-ki-xtan, Áp-ga-ni-xtan.  Bước 2:  - GV yêu cầu HS đọc SGK, thảo luận theo cặp đôi để trả lời câu hỏi trong Phiếu học tập: *Hãy cho biết nét chính về điều kiện tự nhiên của lưu vực sông Ấn, sông Hằng ở Ấn Độ.*  HS không chỉ nêu được những đặc điểm của điều kiện tự nhiên mà còn phân tích được tác động của những điều kiện đó tới sự hình thành của nền văn minh Ấn Độ cổ đại.  Bước 3:  GV có thể đặt câu hỏi mở rộng: Điểu kiện tự nhiên của Ấn Độ cổ đại có điểm gì giống và khác so với Ai Cập và Lưỡng Hà?  HS cần huy động kiến thức đã học trước đó về Ai Cập và Lưỡng Hà để phân tích, so sánh điều kiện tự nhiên với Ân Độ, từ đó rút ra điểm giống và khác nhau  Bước 4:  GV đánh giá kết quả hoạt động của HS . Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh. | Vị trí địa lí: là bán đảo ở Nam Á, có ba mặt giáp biển, nằm trên trục đường biển từ Tây sang Đông. Phía bắc được bao bọc bởi dãy Hi-ma-lay-a - một vòng cung khổng lồ.  - Địa hình:  + Ấn Độ có đồng bằng sông Ấn, sông Hằng lớn vào loại bậc nhất thế giới, được phù sa màu mỡ của hai con sông này bồi tụ.  + Miền Trung và miền Nam là cao nguyên Đê-can với núi đá hiểm trở, đất đai khô cằn.  + Vùng cực Nam và dọc hai bờ ven biền là những đống bằng nhỏ hẹp.  - Khí hậu: Lưu vực sông Ấn khí hậu khô nóng, ít mưa. ơ lưu vực sông Hằng có gió mùa nên lượng mưa nhiều. |

**Mục 2. Chế độ xã hội ở Ấn Độ cổ đại**

**a. Mục tiêu:** Chế độ xã hội ở Ấn Độ

**b. Nội dung:** HS vận dụng ở mức độ đơn giản để hiểu rõ về sự phân chia xã hội theo theo đẳng cấp dựa trên sự khác biệt về tộc người và màu da; đưa ra được đánh giá đó là chế độ xã hội bất bình đẳng, thể hiện sự phân biệt, áp bức của người da trắng đối với người da màu rất khắc nghiệt, đáng lên án,...

**c. Sản phẩm học tập:** trả lời được các câu hỏi của giáo viên

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| Bước 1:  - GV cho HS khai thác thông tin trong SGK quan sát sơ đồ hình 3 và trả lời câu hỏi: *Nêu những điểm chính của chế độ xã hội ở Ấn Độ cổ đại.*  Bước 2:  + Để gợi ý cho HS trả lời câu hỏi trên, GV có thể đưa ra các câu hỏi: *Chế độ đẳng cấp Vác-na là gì? Người A-ri-a đã tạo ra chế độ đẳng cấp này như thế nào? Em có nhận xét gì vê sự phân chia xã hội theo chế độ đẳng cấp Vác-na?*  Bước 3:  HS hiểu và trả lời được chế độ đẳng cấp Vác-na là gì chính là trả lời cho câu hỏi về điểm chính của chế độ xã hội ở Ấn Độ Bước 4:  + GV sử dụng nội dung phần *Kết nối với văn hoá* để nhấn mạnh, mở rộng khi giải thích vê' chế độ đẳng cấp Vác-na. | - Người Đra-vi-đa: được biết đến là chủ nhân của nền văn minh ven bờ sông Ấn - nền văn minh cổ xưa nhất ở Ân Độ. Ngày nay, họ là những tộc người thiểu số cư trú ở miền Nam bán đảo Ấn Độ.  - Sự xâm nhập của người A-ri-a vào miền Bắc Ân, mở ra thời kì chuyển biến sang xã hội có giai cấp và nhà nước. Người A-ri-a đã tạo ra chế độ đẳng cấp Vác-na, chia xã hội ẤnĐộ thành bốn đẳng cấp dựa trên sự khác biệt vế tộc người và màu da, mỗi đẳng cấp có bổn phận, nghĩa vụ khác nhau. |

**Mục 3. Những thành tựu văn hoá tiêu biểu**

**a. Mục tiêu:** HS kể được các thành tựu văn hoá tiêu biểu của Ấn Độ cổ đại

**b. Nội dung:** HS khai thác nội dung SGK và trả lời câu hỏi

**c. Sản phẩm học tập:** trả lời được các câu hỏi của giáo viên

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| Bước 1:  *-* GV yêu cầu HS khai thác nội dung SGK và trả lời câu hỏi: *Em hãy kể tên các thảnh tựu văn hoá tiêu biểu của Ấn Độ cổ đại.*  Bước 2:  GV yêu cầu HS sáng tạo cách thức trả lời như sơ đồ hoá, lập bảng hệ thống,...  HS kể được các thành tựu văn hoá tiêu biểu của Ấn Độ cổ đại.  Bước 3:  + GV có thể đặt câu hỏi mở rộng cho HS để rèn luyện 1<Ĩ năng trình bày, nhận xét: *Em ấn tượng nhất với di sản nào của nến văn minh Ân Dộ cổ đại? Vì sao?*  HS chỉ cần nêu thành tựu mà mình ấn tượng nhất và giải thích lí do theo ý kiến cá nhân.  Bước 4:  GV đánh giá kết quả hoạt động của HS . Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh. | Nền văn minh Ấn Độ cổ đại có nhiều thành tựu rực rỡ trên nhiếu lĩnh vực, đóng góp lớn cho nền văn minh nhân loại:  Chữ viết: nhiều loại chữ cổ, trong đó chữ Phạn có ảnh hưởng rất lớn đến Ấn Độ và Đông Nam Á sau này.  Văn học: hai bộ sử thi vĩ đại có sức ảnh hưởng lớn đó là *Ma-ha-bha-ra-ta* và *Ra-ma-y-a-na.*  Tôn giáo: ra đời nhiều tôn giáo lớn như đạo Bà La Môn, đạo Phật.  Kiến trúc: tiêu biểu là cột đá A-sô-ca và đại bảo tháp San-chi.  Lịch pháp: làm ra lịch.  Toán học: tạo ra hệ số có 10 chữ số, đặc biệt có giá trị là chữ số 0. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a.Mục tiêu:** Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức về

**b. Nội dung:** GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc *cá nhân* để hoàn thành bài tập. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

**c. Sản phẩm*:***hoàn thành bài tập;

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Câu 1.** Sự phân hoá trong xã hội Ấn Độ cổ đại được biểu hiện:

HS cần phân tích được các biểu hiện của sự phân hoá trong xã hội Ấn Độ cổ đại thông qua chế độ đẳng cấp Vác-na:

+ Vì sao gọi là Vác-na.

+ Nguồn gốc của chế độ Vác-na.

+ Nội dung biểu hiện: Xã hội bất bình đẳng, quy định trách nhiệm, nghĩa vụ của các đẳng cấp thê’ hiện sự phân biệt, áp bức khắc nghiệt.

**D HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập.

**b. Nội dung:** GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm ở lớp và hoàn thành bài tập ở nhà

**c. Sản phẩm:** bài tập nhóm

**Câu 2.** HS cần trả lời được theo gợi ý: An Độ là nơi sản sinh ra nhiêu tôn giáo (Phật giáo, Ấn Độ giáo) và các bộ sử thi lớn *(Ma-ha-bha-ra-ta* và *Ra-ma-y-a-na),* phát minh ra số 0.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

*-* Phật giáo: Ra đời vào thế kỉ VITCN, ở miền Bắc Ấn (nay thuộc lãnh thổ nước Nê-pan). Người sáng lập Phật giáo là Thích Ca Mâu Ni (nghĩa là “Ông thánh” hay “Nhà hiền triết” của tộc người Thích Ca). Sau khi ra đời, Phật giáo được truyền bá rất mạnh ở khắp nơi trên đất nước Ấn Độ. Dưới Vương triều Mô-ri-a, đặc biệt là thời kì cầm quyền của vua A-sô-ca (giữa thế kỉ III TCN), Phật giáo được bảo trợ và phát triển mạnh mẽ ra ngoài lãnh thổ Ấn Độ. Nhiều đoàn truyền giáo đạo Phật đã được cử đến khắp nơi từ Âu sang Á, đến tận Hy Lạp, các nước Trung Á, Trung Đông, cũng như Trung Quốc, Miến Điện và Xri Lan-ca.

*-* Thích Ca Mâu Ni: Thích Ca Mâu Ni tên thật là Xit-đac-ta Gô-ta-đa (Siddharta Gautama), vốn là con đầu của vua Tịnh Phạn. Năm 29 tuổi, ông quyết định từ bỏ cuộc đời vương giả của một thái tử để đi tu, tìm đường diệt khổ cho chúng sinh. Sau 6 năm, ông đã “ngộ đạo” và trở thành Thích Ca Mâu Ni, lấy hiệu là But-ha, có nghĩa là “người giác ngộ” (Trung Quốc dịch là Phật).

*-* Đại bảo tháp San-chi, trụ đá A-sô-ca: Hướng dẫn HS tìm hiểu thêm trên internet.

*-* Phát minh ra số 0 - con số nhiều quyền lực nhất lịch sử: https://www.youtube.com/ watch?v=Lic7cvYuulU&feature=share

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **PHẦN KÝ DUYỆT SỐ** | | |
| TỔ CHUYÊN MÔN  *Hoàng Thị Kim Tuyến* |  | GV BỘ MÔN  *Nguyễn Hữu Sơn* |
| BAN GIÁM HIỆU TRƯỜNG | | |